

-Bản án số: **82/2026/HNGĐ-ST**
-Ngày: 31/3/2026
- V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Châu Văn Bình**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Anh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Sỹ Đăng** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp tham gia phiên toà:* Bà **Lê Thị Ngọc Hân** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Lê Hoài T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: **số F H, Phường M, tỉnh Đồng Tháp**

Số CCCD 082195011877 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày 28/02/2023

2. Bị đơn: **Khả Quốc V**, sinh năm 1995.

Số CCCD số 082095005463 do **Cục C1** về TTXH cấp.

Địa chỉ: **D P, Phường M, tỉnh Đồng Tháp**

(Chị **T** và anh **V** cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn **Trần Lê Hoài T** trình bày: Chị và anh **V** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường C2, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 17/6/2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến thời gian đầu năm 2018 giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh, chị đã ly thân nhau từ năm

2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có con chung tên Khả Phúc H, sinh ngày 14/02/2016. Chị Thương yêu C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Tại bản tư khai, bị đơn Khả Quốc V trình bày:

Về hôn nhân: Anh V đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh V đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung tên con chung Khả Phúc H, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh V có đơn xin vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Lê Hoài T và anh Khả Quốc V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Phường C, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân Phường M, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2015 ngày 17/6/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh V và anh V thường trú tại Phường M, tỉnh Đồng Tháp, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **T**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị **Thương yêu C** xin ly hôn với anh **V** vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh, chị đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **V**.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị **T** xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị **T** vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Trong bản tự khai, anh **V** cũng đồng ý ly hôn chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T**, cho chị **T** được ly hôn với anh **V**.

[4] Về con chung:

Chị **T** và anh **V** có con chung tên **Khả Phúc H**, sinh ngày 14/02/2016 đang sống cùng đang sống cùng chị **T**. Anh **V** và chị **T** thống nhất để chị **T** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu **Khả Phúc H** đang sống ổn định và có nguyện vọng sống cùng chị **T**. Do đó để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, giao chị **T** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị **T** không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị **T** và anh **V** thống nhất trình bày anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này, anh, chị có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị **T** phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh **V** không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị **T** và anh **V** được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Lê Hoài T.**

1. Về hôn nhân: Chị **Trần Lê Hoài T** được ly hôn với anh **Khả Quốc V**.

2. Về con chung:

- Chị **Trần Lê Hoài T** được quyền trực tiếp nuôi con chung tên **Khả Quốc H1**, sinh ngày 14/02/2016;

- Chị **Trần Lê Hoài T** không yêu cầu anh **Khả Quốc V** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị **Trần Lê Hoài T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

thu số 0003718, ký hiệu BLTU/25E ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị **T** đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị **T** và anh **V** được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND Phường Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn

Phạm Văn Tài

